

# PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2018 – 2019

**Thực hiện từ 21/01/2019**

*(Kèm theo Quyết định số: 14 /QĐ-PTDNTT ngày 15 /01/2019 của Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu)*

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Chức vụ, kiêm nhiệm	Giảng dạy	BD PD	Ghi chú
1.	Phạm Thị Huệ	Công nghệ	H. trưởng	Công nghệ 9A,B (2)		2t/tuần
2.	Tạ Quang Sỹ	Toán	P. HT	Toán 11 (3+1)		4t/tuần
3.	Hà Thị Dung	Tiếng Anh	P. HT	Tiếng Anh 9(4)		4t/tuần
4.	Nguyễn Thị Hà	Toán-Lí	CT CD (3)	Toán 8A,B(8); Vật lí 6A,B(2); Toán 10 (3+1)		14/17t/tuần
5.	Hồ Suýt Khênh	Toán-Lí	GVCN 9A(4)	Toán 9A,B(8); Sinh 7A,B(4) + PD		12/16t/tuần
6.	Bùi Thị Yên	Toán-Lí	GVCN 8B,TK	Toán 6A,B(8); Vật lí 8A,B(2) + PD		10/16t/tuần
7.	Hà Thị Minh	Toán-Lí	GVCN 7A(4)	Toán 7A,B(8); CN 6A,B(4); + PD		12/16t/tuần
8.	Phạm Thị Nguyệt	Văn –Sử	GVCN 9B (4)	Văn 9A,B(10); Sử 6AB(2)		12/16t/tuần
9.	Phạm Hồng Thúy	Văn-TV	Tổ trưởng(3)	Văn 8A,B(8);_Văn 10 (3+1) + PD		14/17t/tuần
10.	Trần Thị Trang	Văn-Địa	GVCN 6A(4)	Văn 6A,B(8); Địa 7A,B(4) + GD CD 8A,B(2) +PD		14/18t/tuần
11.	Bùi Thị Thu	Văn-TV	PD	Văn 7A,B(8); GD CD 9A,B(2); Sử 7A,B(4)+ CN 7A(2)		16/16t/tuần
12.	Phạm Tiến Dũng	Lí-CN	Tổ trưởng(3)	Vật lý 7A,B (2); Lí 9A,B(4);CN 8A,B(4); CN 10(2); CN 11(2) + BD		14/17t/tuần
13.	Hà Văn Giáp	Thể dục	TPT Đội	TD10,11(4) ; GDQP-AN 10(1); GDQP-AN 11(1)		6t/tuần
14.	Lê Thị Tuyết	Văn- Sử	BT Đoàn	Sử 8A,B(2); Sử 9A,B(4); Sử 10(2)		8/17t/tuần
15.	Hà Thị Dung	Hóa-Sinh	GVCN 6B(4)	Sinh 6A,B(4); Sinh 9A,B(4); Hóa 9A,B(4) + BD		12/16t/tuần
16.	Trịnh Bình Thìn	Tiếng Anh	GVCN 7B(4)	Anh 7A,B(6); + Anh 8B (3); GD CD 7A,B(2) + + CN 7B (2)		13/17t/tuần
17.	Ngân Thị Hữu	Tiếng Anh	GVCN 11 (4)	Anh 6A, B(6) + Anh 8A (3) + PD; NT		9/17t/tuần
18.	Thuê khoán GV	Âm nhạc	Văn nghệ (3)	Nhạc 6,7,8,9 (8)		
19.	Hà Công Vĩnh	Mĩ thuật	PBT đoàn (6)	Họa 6,7,8(6); GD CD 6A,B(2); TD 6B(2),		10/16t/tuần
20.	Phạm Triều Đình	Thể dục	Thể thao (3)	Thể dục 6A(2); Thể dục Khối 7,8,9(12)		14/17t/tuần
21.	Nguyễn Thị Anh	Hóa-Địa	GVCN 8A(4)	Địa 6A,B(2); Địa 8A,B(4); Địa 9A,B(2); Hóa 8A,B(4) + BD Hướng nghiệp 9		12/16t/tuần
22.	Ngân Văn Toàn	Tin học	Tin học	Tin học khối 6,7,8,9; Tin 10(2); Tin 11 (1)		20/20t/tuần
23.	Dương Việt Hồng	Sinh-Hóa	Con nhỏ + BD	Sinh 10(1); Sinh 11(2); Hóa 10(2); Hóa 11(2) + Sinh 8A,B(4)		13/16

*	<b>Giáo viên thỉnh giảng ( THPT Mai Châu )</b>					
1.	Đoàn Thị Huyền	Ngữ văn	THPT MC	Ngữ văn 11 (4)		4t/tuần
2.	Nguyễn V. Trường	Vật lí	THPT MC	Vật lí 10,11 (4)		4t/tuần
3.	Bùi Thị Hà	Lịch sử	THPT MC	Lịch sử 11(1+1)		2t/tuần
4.	Phạm Văn Quang	Địa lí	THPT MC	Địa lí 10(2),11(1)		3t/tuần
5.	Ngân Thu Hương	GDCD	THPT MC	GDCD 10,11(2)		2t/tuần